

Số: 743/2023/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 09 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 612/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Trần Xuân H, sinh năm 1978;

2. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: 204A-N07-Chung cư K26, Phường 7, quận G, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Trần Xuân H và bà Bùi Thị T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 134, quyền số 01/2002 do Ủy ban nhân dân Phường 17, quận G, Thành phố H cấp ngày 29/7/2002.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 04/5/2023 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01/6/2023, ông Trần Xuân H và bà Bùi Thị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, bà Bùi Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Trần Hoàng Q, sinh ngày 10/9/2007 và Trần Hoàng H, sinh ngày 22/6/2015. Ông Trần Xuân H cấp dưỡng nuôi con chung 7.500.000 đồng/trẻ/tháng (15.000.000 đồng/2 trẻ/tháng) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện từ tháng 06/2023 và hai bên thỏa thuận về việc không chia tài sản.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, Trần Xuân H và bà Bùi Thị T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài

sản chung; việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Trần Xuân H, bà Bùi Thị T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 134, quyền số 01/2002 do Ủy ban nhân dân Phường 17, quận G, Thành phố H cấp ngày 29/7/2002 hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Hoàng Q, sinh ngày 10/9/2007 và Trần Hoàng H, sinh ngày 22/6/2015.

Bà Bùi Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Hoàng Q, sinh ngày 10/9/2007 và Trần Hoàng H, sinh ngày 22/6/2015. Ông Trần Xuân H cấp dưỡng nuôi con chung 7.500.000 đồng/ trẻ/tháng (15.000.000 đồng/2 trẻ/tháng) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện từ tháng 06/2023.

Ông Trần Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Xuân H và bà Bùi Thị T phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2023/0011577 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- UBND nơi thực hiện ĐKKH;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Huệ